

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD1+RP2	7:25	16+0+4	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 1 td2-td1
2		PPD+BK14	9:25	13+9	0+0		10+12	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 08:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - TD1 - RP2	CREW: Ring - dien - vi	ETA: 09:16
xanh - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THO DUONG	TD2	52	1	7	50	61	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN VAN DIEP	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	55	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
4	LE VINH THUAT	TD2	53	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC THANG	TD2	57	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VIET LINH	TD2	58	1	6		100	KHOAN	Vietnamese
7	DO XUAN VANG	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN TU	TD2	59	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN THUY	TD2	54	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN NGUYEN MANH TUONG	TD2	87	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC TU	TD2	94	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUC SON	TD2	50-51	2	16		73	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN TAM	TD2	95	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN GIA CUONG	TD2	91	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC HUNG	TD2	56	1	20		85	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG PHUONG NAM	TD2	92-93	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN CAO	RP2	65	1	10	50	56	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN VAN THUAN	RP2	64	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM QUANG TRUONG	RP2	67	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HUU THO	RP2	66	1	14		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	129	1.172	50	174		CHUYEN 1 PAX TD2-TD1
2	TD1	0	0	0	0	0	0		
3	RP2	4	4	44	269	50	5		
TOTAL		20	20	173	1.441	100	22		
WEIGHT KG				173	1.441	100			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: Cam-2	TO: PPD - BK14	CREW: Dương - Chiến - Vũ	ETA: 14:00

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CHÍNH ĐƯƠNG	PPD	70-71	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MẠNH	PPD	68-85	2	16		56	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TUÂN	PPD	72-73	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG TRUNG	PPD	81	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC THẠCH	PPD	76-77	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN THU	PPD	78	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU CÔNG ĐÌNH	PPD	84	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỒNG VĂN THUY	PPD	74-75	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG DANH	PPD	79-80	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	PPD	69	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ NGỌC CƯỜNG	PPD	85	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
12	VU QUANG TRUONG	PPD	83	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐỒNG	PPD	66-67	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG DINH VINH	BK14	14	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG DUNG	BK14	11	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHANH	BK14	12	1	10	12	55	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG QUANG HUNG	BK14	15	1	12	15	72	XAYLAP	Vietnamese
18	VU VAN DUAN	BK14	10	1	19		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÂN	BK14	09	1	18		53	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HUY	BK14	86	1	10	15	57	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI NGOC TUAN	BK14	07-08	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN BÌNH	BK14	06	1	10	17	60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	20	174	891	0	10		
2	BK14	9	10	127	568	59	12		
TOTAL		22	30	301	1.459	59	22		
WEIGHT KG				301	1.459	59			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+P2	7:25	11+10	0+0		8+14	0+0	
2		RP3+RP2	7:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
3		TD1+GTC1+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	chuyen 1 Gtc1-bk16
4		CLO+P1	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
5		RP1+CTC1+PPD	9:25	19+3+0	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
6		TD2+TD5	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		PVD6	9:25	22	0		22	0	
8		RP1+RC4+RP1	9:25	8+14+0	0+0+0		0+5+17	0+0+0	chuyen RC4-RP1
9		P9+RP2+VSP02	11:25	1+7+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 1 P9-Rp2
10		VSP02+P2	11:25	21+0	0+0		16+6	0+0	
11		TD1+TD2+RCDM	11:25	11+3+7	0+0+0		1+8+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 5 người đi P2 về chuyển cuối, 2 người PVD6 về qua P2 và PPD

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	TO: RP3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - PTUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

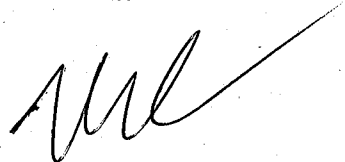
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUONG THI NGA	RP3	80	1	5	60	57	VIEN CNSH	Vietnamese
2	NGUYEN THU TRA	RP3	79	1	5	40	52	VIEN CNSH	Vietnamese
3	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	87	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG CÔNG THỊNH	RP3	83	1	17		81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	89	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	81-82	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG LINH	RP3	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO ĐỨC THANH	RP3	88	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CÔNG SOAI	RP3	84	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN HOÀNG	RP3	85-86	2	12		86	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUÝ HAI	RP3	90	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	52	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG THẮNG	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THẾ ANH	P2	44	1	2		69	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN TIẾN THẮNG	P2					61	NIPI	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TỰ	P2	43	1	5		69	DUY LINH	Vietnamese
17	LÊ TRUNG HIẾU	P2	50	1	10		102	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN KIM HUƠNG	P2	45-46	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐÀO HAI TÙNG	P2	48-49	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TRỌNG TUÂN	P2	51	1	10	50	70	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ XUÂN LẬP	P2	47	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

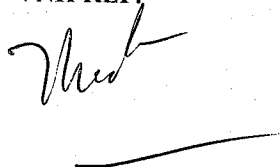
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	13	80	757	100	8		
2	P2	10	10	76	729	50	14		
TOTAL		21	23	156	1.486	150	22		
WEIGHT KG				156	1.486	150			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạng - thông	ETA: 09:30
VANG - 1			

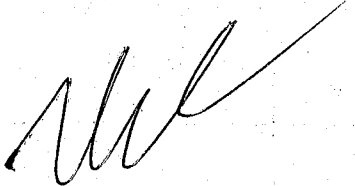
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	59	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ QUANG HUNG	RP3	56	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG CHUNG THUY	RP3	49	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HIEN	RP3	55	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH TAN NGON	RP3	44	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC CHE	RP3	61	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TIEN	RP3	65	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	52-53	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	46	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	RP3	60	1	7		98	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	62	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THANH LAM	RP3	48	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG THANH	RP3	45	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP3	54	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CÔNG HUNG	RP3	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HUNG	RP3	63-64	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TUÂN	RP3	57-58	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	RP3	50	1	10		85	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TUÂN	RP3					80	PSV	Vietnamese
21	KIEU THI QUYNH HOA	RP2	71-72	2	18	85	60	VIEN CNSH	Vietnamese
22	NGUYỄN THI YEN	RP2	73-74	2	10	80	45	VIEN CNSH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	22	129	1.416	0	20		
2	RP2	2	4	28	105	165	2		
TOTAL		22	26	157	1.521	165	22		
WEIGHT KG				157	1.521	165			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TD1 - GTC1 - BK16	CREW: MTHAO - VThắng - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	62	1	7		75	KHOAN	Russian
2	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	51	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỀU	TD1	53	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	56	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	55	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	69	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	66	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN NINH	TD1	52	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	64-65	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG XUÂN THI	TD1	63	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN NINH	TD1	54	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ THANH TÙNG	TD1	59	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ QUANG TUYỀN	TD1	72	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÂN	TD1	73	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	TD1	71	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG NHẬT THANH	TD1	70	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD1	61	1	10	20	79	DVL	Vietnamese
20	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	67	1	15	15	80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD1	57-58	2	13		67	DVL	Vietnamese
22	TÀNG TIẾN TOÀN	TD1	60	1	12		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	23	180	1.642	35	21		CHUYỂN IK GTC1 SANG BK16
2	GTC1	0	0	0	0	0	0		
3	BK16	0	0	0	0	15	0		
TOTAL		22	23	180	1.642	50	21		
WEIGHT KG				180	1.642	50			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2022	TO: CLO - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Linh - N Nam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ MINH SƠN	CLO	68	1	5		69	APAVE	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN HUNG	CLO	74	1	3	60	70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	73	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN KIM HUNG	CLO	81	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
5	PHẦN CÔNG PHU	CLO	77	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG THANH	CLO	79	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	69	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	80	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	78	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NAM HAI	CLO	75	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN VINH	CLO	72	1	17		83	KHOAN	Vietnamese
12	FOK S.I.	CLO	85	1	7		130	KHOAN	Russian
13	SYCHINAV G	CLO	84	1	7		90	KHOAN	Russian
14	SOTRIVEX IGOR	CLO	86	1	7		107	KHOAN	Russian
15	YUKHIMCHUK A.G	CLO	83	1	10		84	KH-THAC	Russian
16	ĐỖ MINH HOÀNG	CLO	65	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN LÊ CHIẾN	CLO	70-71	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN AN NINH	CLO	63	1	14		73	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ANH TUẤN	CLO	64	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
20	YANCHENKO SERGEY	CLO	82	1	10		82	ANTOAN	Russian
21	NGUYỄN BA HUNG	CLO	66-67	2	14		83	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HÀM HÀ	CLO	76	1	5		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	24	187	1.752	60	17		
2	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	187	1.752	60	21		
WEIGHT KG				187	1.752	60			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: PPD - RP1 - CTC1	CREW: HUNG - NPhú - PTUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

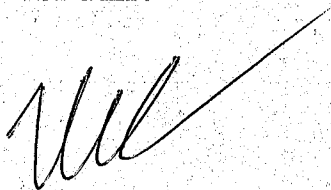
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	97	1	4	80	59	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUÂN ANH	RP1	88	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NGỌC LONG	RP1	10	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NG VĂN BAO TRUNG	RP1	09	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN THANH	RP1	05	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI KHANH	RP1	100	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	05	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ BA NẾP	RP1	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VŨ NHẬT VINH	RP1					79	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RP1	13	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	07	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG THANH DÂN	RP1	96	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NAM TRUNG	RP1	99	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	RP1	11-12	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH XUAN	CTC1	22	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CTC1	31	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
20	TÔ HỮU THẮNG	CTC1	65	1	10		81	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

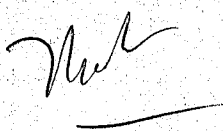
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	0	0	0	0	80	2		
2	RP1	17	16	92	1.175	80	7		
3	CTC1	3	3	23	211	0	6		
TOTAL		20	19	115	1.386	160	15		
WEIGHT KG				115	1.386	160			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	TO: TD2 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHAI - thông	ETA: 11:30
VANG*2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN HUY	TD2	85-86	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
2	CAO THANH HOP	TD2	83	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI	TD2	82	1	9	20	58	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI QUOC VIET	TD2	84	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DUY	TD5	05	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC MINH	TD5	09	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN KHAI	TD5	01-02	2	20		67	KHOAN	Vietnamese
8	BUI DUC TOAN	TD5	03	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	LUU THE DIEN	TD5	52	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUE	TD5	56	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
11	ĐANG DINH THO	TD5	57	1	7	20	65	KHOAN	Vietnamese
12	TÔ THANH HUNG	TD5	54	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MINH CÔNG	TD5	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CAO KHANH	TD5	53	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOAN CAO DANH	TD5	40	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
16	ĐAO QUANG MINH	TD5	69	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHAT	TD5	10	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TIEN DUNG	TD5	04	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	DINH DUC KIEN	TD5	41	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ ANH NGUYEN	TD5	55	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
21	LUU DINH MINH	TD5	05-06	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NHAN	TD5	08	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	46	270	20	0		
2	TD5	18	20	127	1,209	20	22		
TOTAL		22	25	173	1,479	40	22		
WEIGHT KG				173	1,479	40			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	TO: PVD6	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVID ARTHUR GOWANS	PVD6	42,44	2	16		66	PVD	British
2	TRẦN CỎ THẠCH	PVD6	11	1	10		62	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY HUNG	PVD6	21-22	2	12		59	PVD	Vietnamese
4	TRỊNH XUÂN LIÊM	PVD6	23	1	5		60	PVD	Vietnamese
5	PHẠM VŨ TRƯỞNG GIANG	PVD6	19-20	2	13		61	PVD	Vietnamese
6	HA QUANG SANG	PVD6	12	1	5		78	PVD	Vietnamese
7	ĐÌNH XUÂN THIÊM	PVD6	24	1	7		75	PVD	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC NGU	PVD6	17	1	10		76	PVD	Vietnamese
9	CHU VĂN KHOA	PVD6	39	1	8		69	PVD	Vietnamese
10	ĐÀO XUÂN THÈ	PVD6	45	1	7		55	PVD	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯ	PVD6	40	1	5		81	PVD	Vietnamese
12	LÊ VĂN QUÂN	PVD6	25	1	5		55	PVD	Vietnamese
13	VUÔNG ĐỨC ANH	PVD6	14	1	7		65	PVD	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC LAI	PVD6	15	1	5		61	PVD	Vietnamese
15	VŨ CÔNG NGHỊ	PVD6	18	1	3		59	PVD	Vietnamese
16	LÊ THANH ĐOÀN	PVD6	10	1	5		60	PVD	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	PVD6	13	1	7		86	PVD	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	PVD6	41	1	5		73	PVD	Vietnamese
19	VŨ TUÂN DƯƠNG	PVD6	16	1	10		76	PVD	Vietnamese
20	TRẦN QUANG VIỆT	PVD6	43,48	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG MINH HOÀNG	PVD6	47	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN SỸ MỸ	PVD6	46	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

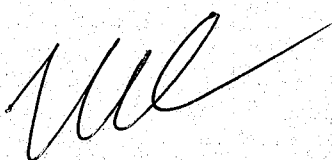
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	26	193	1.475	0	22		
	TOTAL	22	26	193	1.475	0	22		
	WEIGHT KG			193	1.475	0			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	TO: RP1 - RC4 - RP1.	CREW: CHIẾN - Linh - N.Nam	ETA: 11:25
TRANG-2			

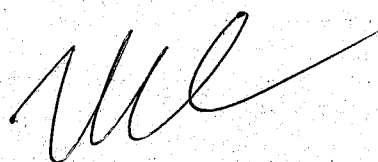
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG TRỌNG GIAO	RP1	58	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	56	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	57	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	RP1	49-50	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG TRỌNG PHÚC	RP1	55	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TUẤN ANH	RP1	54	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG THANH	RP1	47	1	10	12	57	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO MINH TUẤN	RP1	51	1	8		90	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	52	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG TÍN	RP1	53	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH THỊ	RC4	88	1	6		108	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TÚ	RC4	87	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU TIẾN BÌNH	RC4	80	1	5	50	68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG TRUNG HIỂU	RC4	89-90	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHẮC TUẤT	RC4	77-79	3	15		68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THAI BÌNH	RC4	85-86	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH NGỌC	RC4	81	1	12	47	88	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH DŨNG	RC4	83-84	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	76	1	8		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

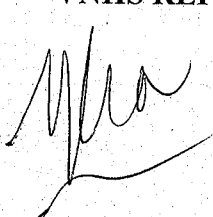
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	10	11	82	725	12	0	2	CHUYỂN 2 PAX RP1-RC4
2	RC4	9	14	99	683	97	5		
3	RP1.	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		19	25	181	1.408	109	22		
WEIGHT KG				181	1.408	109			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

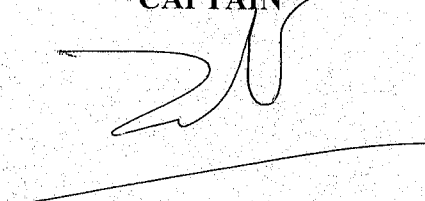
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 02	TO: P9 - RP2 - VSP02	CREW: XHOÀN - Năm - THỤ - Cường	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	01	1	5	20	115	KH-THAC	Russian
2	HUYNH TRUONG DAT	RP2	93-94	2	15	15	61	T-TIN	Vietnamese
3	LE ANH TUAN	RP2	85-86	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN TU	RP2	87-88	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VAN THOAI	RP2	91-92	2	23		60	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI CONG DINH	RP2	89-90	2	26		105	XAYLAP	Vietnamese
7	DIU VAN THONG	RP2	99,400	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐANG NGOC CUONG	VSP02	40	1	5	45	70	KH-THAC	Vietnamese
9	POKLONSKY A.	VSP02	47	1	3		83	KH-THAC	Russian
10	TRAN LE HOI	VSP02	45-46	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN XUAN KINH	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	48	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM DUY QUANG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG LAM	VSP02	41-42	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC HOAN	VSP02	37	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
16	DO QUOC TRINH	VSP02	73	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG TRUNG VIET	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THANH HAI	VSP02	38	1	7		97	KH-THAC	Vietnamese
19	LE XUAN BINH	VSP02	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	44	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	1	1	5	115	20	0	0	CHUYEN 1 PAX P9-RP2
2	RP2	6	12	117	431	15	4		
3	VSP02	14	13	74	1.008	45	18		
TOTAL		21	26	196	1.554	80	22		
WEIGHT KG				196	1.554	80			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/10/2022	TO: VSP02 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:05
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - MQUÂN	ETA: 13:45
CAM-3		- Tú	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	42	1	5	55	58	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CHIEN THANG	VSP02	63	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI XUAN TIEN	VSP02	61	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THAI SON	VSP02	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH THAO	VSP02	49	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	53	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
7	HA MANH THANG	VSP02	56	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DAT	VSP02	58-59	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese
9	TO QUOC THINH	VSP02	60	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUY BINH	VSP02	65	1	4	10	75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	64	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VO TAN LINH	VSP02	57	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	LUU HO ANH	VSP02	54-55	2	9		80	CODIEN	Vietnamese
14	VU VAN TINH	VSP02	52	1	11		71	CODIEN	Vietnamese
15	TRINH HOAI DUC	VSP02	50-51	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
16	LE BA TU	VSP02	48	1	6		67	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH LE	VSP02	43-44	2	15		65	YTE	Vietnamese
18	TRAN NGOC TU	VSP02	45	1	2		76	PSV	Vietnamese
19	DINH BA THANG	VSP02	46	1	8		65	PSV	Vietnamese
20	PHAN CHINH QUY	VSP02	47	1	7		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	20	24	160	1.394	65	16		
2	P2	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		20	24	160	1.394	85	22		
WEIGHT KG				160	1.394	85			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 11	TO: TD1 - TD2 - RCDM	CREW: Linh - Dương - Vũ	ETA: 13:50
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHOAI	TD1	75	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI TRỌNG HỘI	TD1	78	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN DUY ANH	TD1	83-84	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN TÙNG	TD1	79-80	2	11		57	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN KHANH	TD1	85-86	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐE	TD1	76-77	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN TỨC	TD1	81-82	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN KHA	TD1	92	1	15	10	68	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ANH TUÂN	TD1	94	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN DŨNG	TD1	89-91	3	18		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HANH	TD1	87-88	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LẠ	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH HOA	TD2	48-49	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ ĐÌNH LỘC	TD2	79-80	2	10		77	PSV	Vietnamese
15	HOANG HỮU SƠN	RCDM	72	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN BUI NAM	RCDM	71	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	74	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH MINH TRI	RCDM	78	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN XUÂN THANH	RCDM	73	1	11	30	67	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH ĐAI	RCDM	75-76	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	77	1	8		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

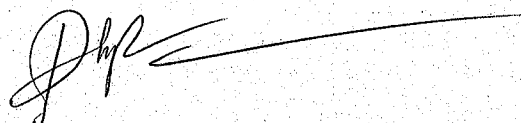
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	19	168	707	10	2		
2	TD2	3	4	23	203	0	8		
3	RCDM	7	8	67	499	30	12		
TOTAL		21	31	258	1.409	40	22		
WEIGHT KG				258	1.409	40			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN